

Ngày 31/12/2025	15,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.1%	-12.5%	-11.5%

	2025	
ROE	15.5%	+/- YoY ▲ 1.7%

	Q4/25		
DT thuần	28.8	QoQ ▼ 3.20 ▼ 10.0%	YoY ▲ 0.40 ▲ 1.4%
	tỷ VNĐ		

	2025	
DT thuần	119	YoY ▲ 4.00 ▲ 3.5%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN gộp	8.54	QoQ ▼ 8.96 ▼ 51.2%	YoY ▼ 4.26 ▼ 33.3%
	tỷ VNĐ		

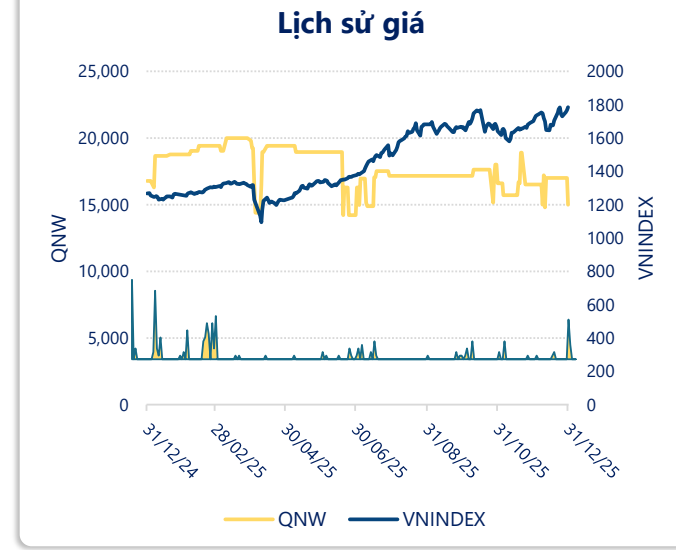
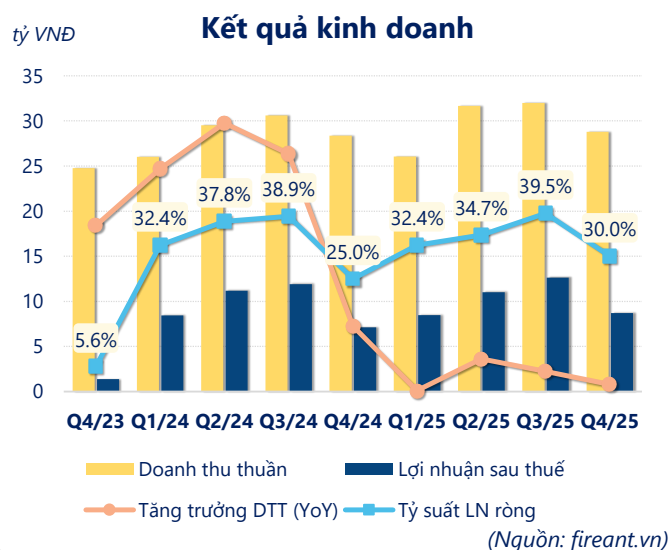
	2025	
LN gộp	55.4	YoY ▼ 4.00 ▼ 6.6%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN thuần	11.1	QoQ ▼ 4.70 ▼ 30.0%	YoY ▲ 2.03 ▲ 21.9%
	tỷ VNĐ		

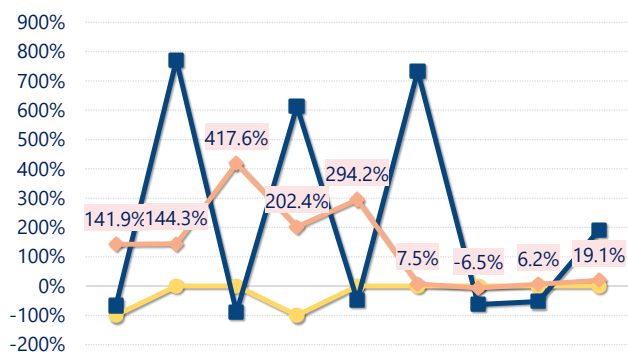
	2025	
LN thuần	51.3	YoY ▲ 9.20 ▲ 22.0%
	tỷ VNĐ	

	Q4/25		
LN sau thuế	8.69	QoQ ▼ 3.91 ▼ 31.1%	YoY ▲ 1.56 ▲ 21.8%
	tỷ VNĐ		

	2025	
LN sau thuế	40.8	YoY ▲ 7.40 ▲ 22.0%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

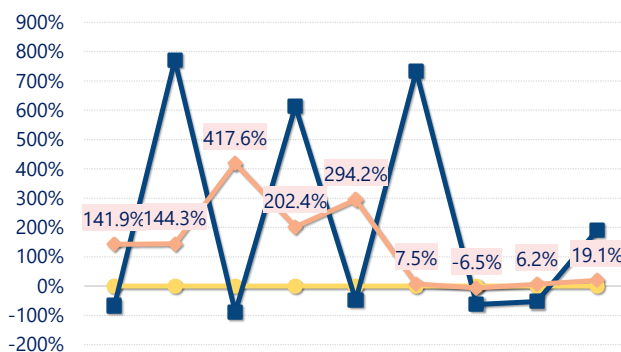


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

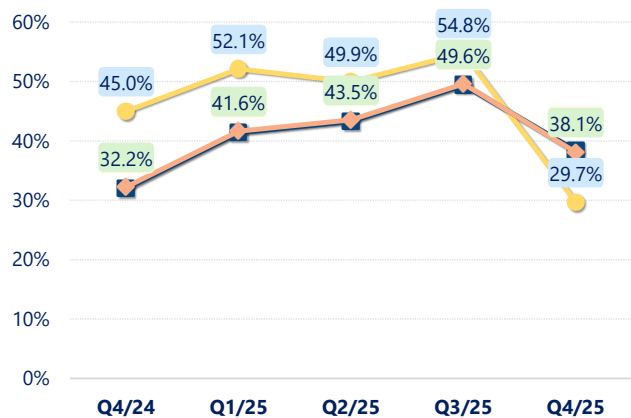


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

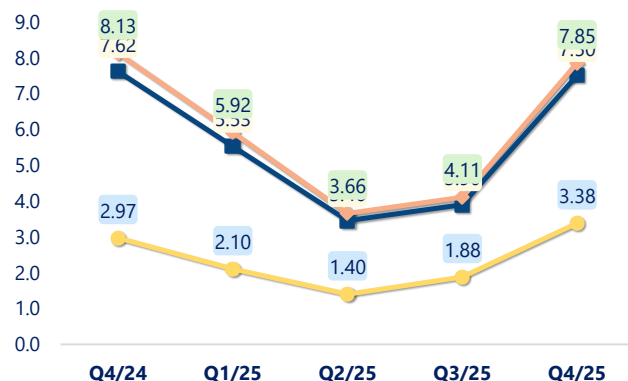


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

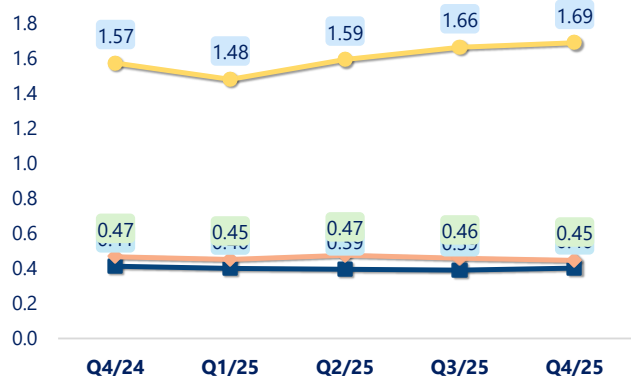


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

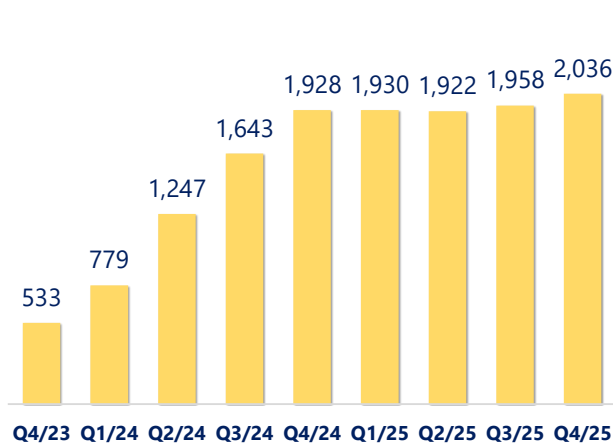


Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25 Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	28.8	28.4	1.4%	119	115	3.5%
Giá vốn hàng bán	20.3	15.6	29.9%	63.1	55.2	14.3%
Lợi nhuận gộp	8.54	12.8	-33.3%	55.4	59.4	-6.6%
Doanh thu HĐTC	1.97	0.95	107%	5.93	3.65	62.3%
Chi phí TC	0.06	0.10	-41.8%	0.29	0.46	-36.7%
Chi phí lãi vay	0	0.10	-100%	0.23	0.46	-49.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.12	0.98	14.4%	4.06	4.94	-17.9%
Chi phí QLDN	-1.73	3.55	-149%	5.68	15.5	-63.5%
LN thuần từ HĐKD	11.1	9.07	21.9%	51.3	42.1	22.0%
Lợi nhuận khác	-0.09	-0.03	-202%	-0.12	-0.04	-182%
LN trước thuế	11.0	9.04	21.3%	51.2	42.0	21.9%
Lợi nhuận sau thuế	8.69	7.13	21.8%	40.8	33.4	22.0%
LNST của CĐ cty mẹ	8.64	7.09	21.9%	40.7	33.4	22.0%

(Nguồn: fireant.vn)

